TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/03/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai.

2. Bà Nguyễn Thị Huế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 21/03/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2019 về việc "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 08/03/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T sinh năm 1988; địa chỉ xóm 4 Tây, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh H sinh năm 1985; địa chỉ xóm 4 Tây, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/01/2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 07/01/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị T trình bày: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã KH ngày 21/12/2012. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2016 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh H chơi bời dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; mặc dù chị T và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng anh H vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc vợ chồng không còn; do vậy chị T đã bế con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay, chị T và anh H không còn quan tâm gì đến nhau nữa, nên chị T đề nghị được ly hôn với anh H. Về con, vợ chồng có 01 con chung là cháu K sinh ngày 04/10/2013, hiện cháu K đang ở với chị T, chị T đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành

và chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống và học tập của cháu K. Về tài sản, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2019, biên bản hòa giải ngày 30/01/2019 và tại phiên tòa bị đơn là anh H trình bày: Anh H kết hôn với chị T, do hai bên tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã KH ngày 21/12/2012. Trong quan hệ gia đình anh H không đánh đập, xúc phạm, bạo lực gia đình; từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn liên quan đến kinh tế gia đình, vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, từ tháng 12/2018 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay; nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn với chị T. Về con, vợ chồng có một con chung là cháu K sinh ngày 04/10/2013, nếu ly hôn anh H đề nghị được nuôi cháu K từ khi ly hôn cho đến khi cháu K trưởng thành, anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, anh H cam đoan đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống sinh hoạt và học tập cho cháu K. Về tài sản, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; các đương sự trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử, cho chị T được ly hôn với anh H; giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T và có quyền đi lại thăm nom con chung; buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Chị T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với đối anh H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của chị T là đúng. Theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình thể hiện cả chị T và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YKthụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về yêu cầu ly hôn: Theo lời khai của chị T và anh Hcũng như tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, chị T và anh H kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2012 ngày

21/12/2012, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị T khai từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng sống không có tình cảm với nhau, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, từ tháng 11/2018 chị T đã bế con về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; anh H thừa nhận từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn nguyên nhân là do liên quan đến kinh tế gia đình và vợ chồng có xảy ra cải chửi nhau.

Như vậy, thể hiện từ năm 2016 tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, việc chị T bế con về nhà mẹ đẻ ở điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa anh H khai do chị T khởi kiện xin ly hôn, nên anh H đồng ý ly hôn với chị T, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị T với anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh H ly hôn.

Về nuôi con: Theo lời khai của chị T và anh H, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao giấy khai sinh, thể hiện vợ chồng chị T và anh H có 01 con chung là cháu K sinh ngày 04/10/2013; cả chị T và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K cho đến khi cháu K trưởng thành. Xét cháu K mới hơn 5 tuổi, hiện tại đang sống với chị T và theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 23/01/2019 nội dung thể hiện cả Trưởng xóm 4 Tây, Hội phụ nữ xã KH và đại diên Ủy ban nhân dân xã KH đều có quan điểm là "do cháu còn bé nên giao cho mẹ nuôi dưỡng cháu là đảm bảo quyền lợi cho cháu hơn". Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành, do chị T không yêu cầu anh Hphải cấp dưỡng nuôi con chung và chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập của cháu K, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Về tài sản: Chị T và anh H đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản. Vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1 Về ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh H ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu K sinh ngày 04/10/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu K được sống chung với chị T và anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu K; chị T không được cản trở anh Htrong việc thăm nom, chăm sóc cháu K.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiến tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001949 ngày 04/01/2019 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã KH
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ